TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/DS-ST
Ngày: 09/8/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Xuân Trường.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa*: Ông Cao Quốc Thuận- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 N 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2019/TLST-DS, ngày 18 tháng 02 N 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 N 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 76/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 N 2019 và quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 46/2019/QĐ-TĐ ngày 07 tháng 8 N 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh N 1989; *địa chỉ:* Số 322, đường 3/2, khu phố 9, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phương Đ, sinh N 1982 (Văn bản ủy quyền ngày 15/02/2019); *địa chỉ*: Số 129, đường Đào Duy Từ, tổ 1, khu phố 6, thị trấn Võ Xu, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Tạ Thị Ph, sinh N 1962 và ông Đoàn Ngọc Ch, sinh N 1987; *địa chỉ*: Số 29, đường Phan Đình Phùng, tổ 1, khu phố 4, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Đoàn Xí N, sinh N 1964; *địa chỉ*: Số 29, đường Phan Đình Phùng, tổ 1, khu phố 4, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt: Ông Đ và bà Ph, vắng mặt ông Ch và ông N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 02 N 2019, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H (do ông Nguyễn Phương Đ làm đại diện theo ủy quyền) trình bày: Vào ngày 20/10/2018, bà Tạ Thị Ph cùng con trai là ông Đoàn Ngọc Ch có vay của bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng 1%/tháng, mục đích vay để làm ăn lo cho gia đình. Về giấy mượn tiền lập vào ngày 20/10/2018 có nội dung ghi: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam…Tôi và con trai đã nhận tiền đủ 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu đồng)…" là do bà Nguyễn Thị Bích H viết, còn nội dung ghi: "Đức Tài 20/10/2018…(nhận đủ tiền)" là do bà Tạ Thị Ph và ông Đoàn Ngọc Ch viết và ký tên. Giấy mượn tiền này được lập tại nhà của bà Tạ Thị Ph và ông Đoàn Ngọc Ch tại địa chỉ: Số 29, đường Phan Đình Phùng, tổ 1, khu phố 4, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi vay tiền và đến hạn trả nợ nhưng bà Ph, ông Ch vẫn không có thiện chí trả nợ, mặc dù bà H đã nhiều lần đòi nợ.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Phương Đ trình bày: Giấy mượn tiền ngày 20/10/2018 là do bà H viết và được lập tại nhà bà H. Do thời gian gần đây ông có nhiều việc về chuyện gia đình nên tại bản khai ngày 13/3/2019 ông mới khai là giấy mượn tiền lập tại nhà bà Tạ Thị Ph và ông Đoàn Ngọc Ch. Vì tin tưởng vào sự uy tín nên bà H mới cho ông Ch, bà Ph vay tiền nhưng không phải thế chấp gì. Mục đích vay tiền là để lo làm ăn, còn cụ thể sử dụng tiền vay vào việc gì thì ông không rõ. Ông đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc bà Tạ Thị Ph, ông Đoàn Ngọc Ch và ông Đoàn Xí N (chồng của bà Ph) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền nợ vay 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày vay (20/10/2018) cho đến ngày làm đơn khởi kiện 15/02/2019, theo mức lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 23/7/2019 có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Tạ Thị Ph trình bày: Bà và ông Đoàn Xí N là vợ chồng, anh Đoàn Ngọc Ch là con ruột của vợ chồng bà. Vợ chồng bà và anh Ch đều biết về việc Tòa án thông báo thời gian để đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án. Tuy nhiên bà không đến Tòa án vì đây là tiền do anh Ch vay để chơi bài bạc, chứ bà không hề vay mượn và không hề nhận tiền của bà Nguyễn Thị Bích H. Số tiền nợ 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) là do anh Đoàn Ngọc Ch chơi bài bạc tại chỗ bà H, sau đó bà H dẫn người đến nhà bà uy hiếp bà phải ký vào giấy nhận nợ. Vì quá hoảng sợ nên bà đã ký vào giấy mượn tiền do bà H viết. Khi bà H đưa giấy mượn tiền cho bà thì bà đã thấy chữ ký của anh Đoàn Ngọc Ch có sẵn, bà thừa nhận chữ viết và chữ ký ghi tên Tạ Thị Ph tại giấy mượn tiền ngày 20/10/2018 là chữ ký và chữ viết của bà. Bà ký vào giấy mượn tiền là tại nhà bà, thời gian là vào buổi tối, khi ký giấy có anh Đoàn Ngọc Ch chứng kiến. Việc bà H dẫn theo nhiều người đến nhà và ép buộc bà ký giấy mượn tiền thì bà không trình báo chính quyền địa phương, bởi vì bà sợ chồng bà ông Đoàn Xí N biết và bà H có

nói bà ký vào giấy mượn tiền để bà H làm tin cho người khác, vì bà H cũng đi vay tiền của người khác nên bà mới ký.

Anh Đoàn Ngọc Ch có vợ là chị Nguyễn Thị Bích Ngọc, nhưng vợ chồng anh Ch đã ly hôn vào khoảng N 2014 đến N 2015, do bà không nhớ rõ. Anh Ch do chơi bài bạc nên có mượn tiền của bà H, còn số tiền nợ bao nhiêu thì bà không rõ. Việc bà ký tên vào giấy mượn tiền ban đầu thì chồng bà (ông N) không biết, sau đó nghe bạn bè của Ch nói lại và đến khi Tòa án tiến hành thông báo thì ông N mới biết. Sự việc bà H ép buộc bà ký tên vào giấy mượn tiền thì bà không có chứng cứ gì để chứng minh. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà, anh Đoàn Ngọc Ch và ông Đoàn Xí N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền nợ 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/10/2018 cho đến ngày 15/02/2019, theo mức lãi suất là 1%/tháng thì bà không đồng ý.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng bị đơn bà Tạ Thị Ph, anh Đoàn Ngọc Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Xí N không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật TTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn bà Tạ Thị Ph đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Đoàn Ngọc Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quan hệ tranh chấp phát sinh giữa bà Nguyễn Thị Bích H và bà Tạ Thị Ph, ông Đoàn Ngọc Ch là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Ngày 20/10/2018, bà Tạ Thị Ph và ông Đoàn Ngọc Ch có vay của bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) để làm ăn, thời hạn vay là 03 tháng, khi vay có thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/tháng. Từ khi vay đến nay, bà Ph và ông Ch chưa trả tiền lãi và nợ gốc cho bà H. Do đó,

việc bà Ph và ông Ch có vay của bà H số tiền 260.000.000 đồng là đúng sự thật, có căn cứ.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với khoản vay 260.000.000 đồng, theo mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày vay (20/10/2018) cho đến ngày 15/02/2019 là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

Về trách nhiệm trả nợ: Số tiền nợ trên bà Ph và ông Ch vay để làm kinh tế trong gia đình. Do đó, xác định số nợ này là của vợ chồng bà Ph và ông Đoàn Xí N và con trai là ông Đoàn Ngọc Ch. Vì vậy, ông N phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Ph và ông Ch trả số tiền nợ 260.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Ph, ông N và ông Ch phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích H là đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để khẳng định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.4] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Đoàn Ngọc Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Xí N nhưng các đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bị đơn bà Tạ Thị Ph thừa nhận chữ ký và chữ viết ghi tên Tạ Thị Ph trong giấy mượn tiền lập ngày 20/10/2018 chính là chữ ký và chữ viết của bà, tuy nhiên bà cho rằng do bà Nguyễn Thị Bích H dẫn theo nhiều người đến nhà bà để uy hiếp và ép buộc bà phải ký giấy nợ, giấy mượn tiền đã được viết sẵn, khi đưa giấy

cho bà ký thì bà đã thấy chữ ký của anh Đoàn Ngọc Ch, thực tế bà không vay tiền và nhận tiền vay từ bà H. Thấy rằng, việc bà Ph khai giấy mượn tiền đã được viết sẵn và bà chỉ ký tên là có cơ sở, bởi lẽ: Tại giấy mượn ngày 20/10/2018 có nội dung "Hôm nay, ngày 20/10/2018 tại khu phố 9, thị trấn T, Đức Linh, Bình Thuận", tức là giấy mượn tiền được lập tại khu phố 9, thị trấn T, trong khi đó nhà của bà Ph ở tại khu phố 4, thị trấn T. Điều này thể hiện rõ là giấy mượn tiền được lập trước đó tại khu phố 9, thị trấn T, sau đó bà H cầm tờ giấy này đến nhà bà Ph để yêu cầu ký tên. Mặc dù tại phiên tòa, ông Đ thay đổi lời khai về địa điểm lập giấy mượn tiền, nhưng căn vào bản khai ngày 13/3/2019 (bút lục số 37) của ông Nguyễn Phương Đ là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bà Ph.

Mặc dù bà Ph không thừa nhận trực tiếp vay tiền và nhận tiền vay từ bà H, nhưng bà đồng ý ký tên vào giấy mượn tiền cùng với ông Đoàn Ngọc Ch đã thể hiện sự thống nhất ý chí cùng có nghĩa vụ trả nợ. Việc bà Ph khai bị ép buộc ký giấy nợ nhưng bà không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu này của mình. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi bị đơn phải trả lại số tiền nợ 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Xét về tiền lãi: Nguyên đơn cho rằng, khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng, còn bà Ph cho rằng không vay tiền mà bị ép buộc ký giấy mượn tiền nên không có sự thỏa thuận trả lãi. Thấy rằng, ngoài lời khai thì nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh về thỏa thuận trả lãi. Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 20/10/2018 thì không thể hiện việc hai bên có thỏa thuận trả lãi. Do đó, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, được quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Đến hạn trả nợ (tức ngày 20/01/2019) nhưng bà Ph và ông Ch vẫn không chịu trả, do đó tiền lãi phát sinh được tính kể từ ngày vi phạm cam kết (tức ngày 21/01/2019) cho đến ngày 15/02/2019 và áp dụng lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ là có căn cứ và lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 21/01/2019 đến ngày 15/02/2019 là 25 ngày x 0,83%/tháng (tức 10%/năm) x 260.000.000 đồng = 1.798.000 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng). Vì vậy, cần buộc bị đơn phải trả tiền lãi nêu trên cho nguyên đơn là phù hợp pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn phải trả lãi trên số tiền nợ gốc, kể từ ngày vay 20/10/2018 cho đến ngày 15/02/2019, theo mức lãi suất là 1%/tháng. Thấy rằng, yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở như đã phân tích ở trên. Tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn được tính như sau:

Từ ngày 20/10/2018 đến ngày 15/02/2019 là 03 tháng 26 ngày x 260.000.000 đồng x 1%/tháng = 10.053.000 đồng (Mười triệu không trăm N mươi ba nghìn đồng).

Khoản tiền lãi nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận là: 10.053.000 đồng - 1.798.000 đồng = 8.255.000 đồng (Tám triệu hai trăm N mươi lăm nghìn đồng).

[2.3] Xét về nghĩa vụ trả tiền: Bà Tạ Thị Ph và ông Đoàn Xí N là vợ chồng, ông Đoàn Ngọc Ch là con ruột của vợ chồng bà Ph. Khoản tiền nợ vay trên phát sinh là do ông Ch trực tiếp thực hiện, bà Ph ký tên chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông Ch. Khi ông Ch vay số tiền này thì không được sự đồng ý ông Đoàn Xí N và ông N cũng không biết việc vay mượn này. Nguyên đơn cho rằng mục đích vay tiền là để làm ăn lo cho gia đình, nhưng ngoài lời khai thì nguyên đơn không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về sử dụng số tiền vay dùng vào mục đích lo cho gia đình. Do đó, không có căn cứ để áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình để buộc ông Đoàn Xí N phải liên đới trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu ông Đoàn Xí N phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Tạ Thị Ph và ông Đoàn Ngọc Ch trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích H là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Từ những nhận định ở trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp pháp luật.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST trên số tiền phải trả nợ. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí DSST trên số tiền lãi yêu cầu không được chấp nhận, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

[2.6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng.

Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị tính lãi suất theo như yêu cầu của nguyên đơn và áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình để buộc ông Đoàn Xí N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ là chưa phù hợp như những định ở trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc bà Tạ Thị Ph và ông Đoàn Ngọc Ch phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền là 261.798.000 đồng (Hai trăm sáu mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng và tiền lãi là 1.798.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, bà Nguyễn Thị Bích H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà Tạ Thị Ph và ông Đoàn Ngọc Ch phải thanh toán nêu trên, thì bà Ph và ông Ch còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2/ Về án phí: Buộc bà Tạ Thị Ph và ông Đoàn Ngọc Ch phải chịu 13.090.000 đồng (Mười ba triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 413.000 đồng (Bốn trăm mười ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.695.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025122 ngày 18/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Hoàn trả lại cho bà H 6.282.000 đồng (Sáu triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (09/8/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Đ,
-Chi cục THA dân sự huyện Đ,
-Các đương sự,
-Lưu qđ, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Văn Thuận